TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày: 20/01/2021.
V/v tranh chấp: "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung;

Bà Lê Thị Hiệu. .

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2020/DSPT ngày 26/10/2020 về việc tranh chấp: "Chia di sản thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXPT-DS ngày 04/12/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông MĐQ, 1949.

Địa chỉ: Thôn NK, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

2.Bị đơn: Bà MTL,1947 .

Địa chỉ: Thôn NK, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị MTN, 1974.

Địa chỉ: SN 21 Ngõ 188, đường LTT, Quận TX, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Ông MĐC,1951 .

Địa chỉ: Nhà A1, ngõ 470, NVC, phường GT, quận LB, Hà Nội.

3.2.Bà MTN, 1959.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường TX, thành phố BG, tỉnh BG.

Người đại diện theo ủy quyền của ông MĐC, bà MTN : Ông MĐQ.

3.3.Bà MTĐ, 1960.

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Chị MTN , 1974.

Địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 188, Đường LTT, quận TX, Hà Hội.

3.5.Chị MTD, 1977.

Địa chỉ: Thôn NK, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

3.6.Chị MTH, 1980;

3.7.Chị MTB,1984.

Cùng địa chỉ: Nhà B, tầng 10, phòng 10, khu dân cư TT, Hà Hội.

3.8.Chị MTA, 1982.

Địa chỉ: Số nhà 670/72 Ngô Gia Tự, quận LB, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị MTD, chị MTH, chị MTB, chị MTA: Chị MTN, 1974.

Địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 188, đường LTT, quận TX, TP. Hà Hội.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TNQ - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TVH - Phó Chủ tịch UBND.

3.10. Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Ông MXH - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông MVH - Phó Chủ tịch UBND.

Tại phiên tòa, có mặt ông MĐQ, ông MĐC, bà MTĐ, bà MTN , chị Nhung, chị MTD; những người còn lại đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông MĐQ trình bày:*

Bố ông là MĐX, sinh năm 1917 (chết ngày 18/6/1960), mẹ ông là MTN, sinh năm 1922 (chết ngày 08/9/1991), sinh được 05 người con gồm: MĐY (chết 16/12/2006), MĐC, MTN, MTĐ và ông là MĐQ.

Năm 1973 ông MĐY lấy bà MTL được 05 người con gồm: MTN, MTD, MTH, MTA và MTB.

Bố mẹ ông để lại diện tích đất 264m^2 tại thửa số 234, tờ bản đồ số 08, Bản đồ 299 xã NT, trên đất có ngôi nhà 05 gian lợp ngói xây dựng năm 1988 không còn giá trị sử dụng. Hiện toàn bộ tài sản này bà MTL đang sử dụng. Năm 2007, bà MTL làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên bà MTL mà không thông qua anh em ông. Tháng 02/2020, bà MTL phá ngôi nhà của bố mẹ ông để xây nhà ở và có ý định chuyển nhượng một nửa diện tích đất trên cho chị MTN. Ông đề nghị Tòa án phân chia tài sản của cụ bố mẹ để lại theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm: Ông MĐC, bà MTN, bà MTĐ trình bày:*

Thống nhất với ông MĐQ, tài sản của cụ bố, mẹ để lại là diện tích đất 264m^2 và 01 ngôi nhà 05 gian lợp ngói không còn giá trị sử dụng , tại thửa số 234, tờ bản đồ 08, Bản đồ 299 xã NT, đề nghị Toà án chia theo pháp luật.

** Bị đơn bà MTL trình bày:*

Bà kết hôn với ông MĐY năm 1970, bố chồng bà là cụ MĐX sinh năm 1917, chết năm 1960, mẹ chồng bà là cụ MTN sinh năm 1922, chết năm 1991.

Bà và ông MĐY sinh được 05 người con là MTN, MTD, MTH, MTA, MTB. Kể từ khi bà và ông MĐY trở thành vợ chồng, vợ chồng bà và các con ở trên mảnh đất hiện nay cho đến khi ông MĐY chết và các con trưởng thành đi công tác xa. Nay ông MĐQ khởi kiện tranh chấp thừa kế tài sản, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị MTN trình bày:*

Ông bà nội của chị là cụ MĐX (chết năm 1960) và cụ MTN (chết năm 1991) sinh được 05 người con. Bố chị là MĐY và mẹ chị là MTL lấy nhau năm 1970 cũng sinh được 05 người con.

Nguồn gốc diện tích đất 264m^2, trên đất có 01 nhà 05 gian lợp ngói, xây dựng năm 1988 là của cha ông để lại, từ khi lấy nhau bố mẹ chị ở đó nên bản đồ địa chính đứng tên bố chị là MĐY.

Ngày 24/9/2007, mẹ chị được UBND huyện NS cấp GCNQSDĐ số AK 304282, hiện nay mẹ chị đang ở và sử dụng toàn bộ tài sản.

Đầu năm 2020 mẹ chị muốn sửa lại cái bếp để lấy chỗ ở, nhưng các cô, chú không đồng ý và nghi ngờ mẹ chị cho chị một nửa, nhưng thực tế không phải vậy nên mới xảy ra việc khởi kiện ra Tòa.

Nay ông MĐQ cùng các cô, các chú yêu cầu chia thừa kế, quan điểm của mẹ chị và chị em chị đề nghị được sửa lại cái bếp để lấy chỗ ở và muốn bảo tồn toàn bộ tài sản, không bán, không chia cho ai, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: MTD, MTH, MTA, MTB trình bày:*

Thống nhất như quan điểm, ý kiến của chị MTN.

** Tại Văn bản số 280/CV-UBND ngày 24/8/2020, UBND xã NT trình bày:*

Theo Bản đồ 299, thửa đất đang tranh chấp là thửa số 234, tờ bản đồ số 08, diện tích 264m^2, sổ mục kê ghi MĐY (chồng bà MTL).

Theo Bản đồ địa chính 2010 là thửa 927, tờ bản đồ 29, diện tích 274m^2 .

Bà MTL được cấp GCNQSDĐ số AK 304282, nguồn gốc đất hình thành trước năm 1980.

Việc cấp GCNQSDĐ MTL ghi thửa 434, tờ 08, diện tích 264m^2 là sai về số thửa do nhầm lẫn trong khi viết giấy.

** Tại văn bản số 1383/UBND-TNMT ngày 01/9/2020, UBND huyện NS tình bày:*

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND huyện và Báo cáo kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của UBND xã NT, thửa đất bà MTL đang sử dụng diện tích 264m^2, có nguồn gốc đất thổ cư hình thành trước năm 1980, vị trí đất tại thửa số 234, tờ bản đồ số 08, bản đồ 299 xã NT, nhưng trong GCNQSDĐ ghi thửa số 434 là do nhầm lẫn về số thửa trong quá trình viết giấy

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17 /2020/DSST ngày 16/9/2020 của TAND huyện NS đã Quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 623; 649; 650; 651 và 652 Bộ luật dân sự.

1.Chấp nhận khởi kiện của ông MĐQ.

2. Công nhận di sản của cụ MĐC và cụ MTN để là giá trị quyền sử dụng đất 264m^2 tại thửa số 234, tờ bản đồ số 08, Bản đồ 299 xã NT, nay là thửa số 927, tờ 29, Bản đồ địa chính xã NT, đã được UBND huyện NS cấp GCNQSDĐ mang tên bà MTL ngày 24/9/2007.

3. Phân chia như sau:

- Giao bà MTĐ diện tích 133,25m^2 trị giá 333.125.000đ: Phía Tây giáp nhà ông Lưỡng 9,6m; phía Nam giáp ngõ đi chung 13,15m; phía Đông giáp đường liên xã 10,4m; phía Bắc giáp đất bà MTL được chia 13,5m.

Bà MTĐ được nhận từ bà MTL 26,75m^2 x 2.500.000đ = 66.875.000đ.

- Giao bà MTL diện tích còn lại 130,75m^2 trị giá 326.875.000đ: Phía Tây giáp ông Lưỡng; phía Nam giáp đất chia bà MTĐ; phía Đông giáp đường liên xã; phía Bắc giáp đất ông Trứ.

- Tạm giao diện tích đất thừa 10m^2 cho bà MTL.

- Giao UBND xã NT, UBND huyện NS xử lý diện tích đất tăng 10m^2 tại thửa số 234, tờ bản đồ số 08, Bản dồ 299, nay là thửa số 927, tờ 29, bản đồ địa chính xã NT.

- GCNQSDĐ số AK 304282 do UBND huyện NS cấp ngày 24/9/2007 mang tên bà MTL không còn giá trị, bà MTĐ, bà MTL có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2020, ông MĐQ và bà MTĐ có đơn kháng cáo với nội dung:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm dành ra 100m^2 đất để xây nhà thờ cho bố mẹ, số còn lại chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông MĐQ và bà MTĐ bổ sung thêm nội dung kháng cáo: Theo kết quả thẩm định tại chỗ và hồ sơ địa chính thì diện tích đất bố mẹ để lại là 274m^2, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia theo diện tích trong GCNQSDĐ cấp cho bà MTL 264m^2 là không đúng.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội MTD: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông MĐQ và bà MTĐ, sửa bản án sơ thẩm xác định diện tích di sản của cụ X, cụ N để lại cho các con là 274m^2 đất, chia lại cho các bên bằng đất để bà MTL không phải thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền (Có văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, đơn kháng cáo của nguyên đơn ông MĐQ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà MTĐ nộp trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, tại cấp phúc thẩm việc ông MĐQ, bà MTĐ bổ sung nội MTD kháng cáo về xác định diện tích đất, nội dung bổ sung của ông MĐQ, bà MTĐ có liên quan chặt chẽ đến việc giải quyết vụ án, chị MTN đại diện cho bị đơn bà MTL cũng đồng ý xem xét nên cần chấp nhận việc bổ sung kháng cáo của ông MĐQ, bà MTĐ để đảm bảo giải quyết triệt để vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về xác định nguồn gốc đất: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các bên, có đủ cơ sở xác định diện tích đất ở tại thửa số 234, tờ bản đồ 08, Bản đồ 299 năm 1984 xã NT, tương ứng là thửa 927, tờ bản đồ 29, Bản đồ địa chính, trên đất có ngôi nhà ngói 05 gian xây dựng năm 1988 (không còn giá trị sử dụng) là di sản của cụ MĐX và Cụ Cao Thị Ngậu để lại cho các con. Cụ X, cụ N chết không để lại di chúc, toàn bộ di sản do vợ chồng ông MĐY, bà MTL quản lý sử dụng, năm 2006 ông MĐY chết, bà MTL cùng các con sử dụng. Việc ông MĐQ khởi kiện còn thời hiệu nên được TAND huyện NS thụ lý chia thừa kế theo pháp luật là đúng.

[2.2] Về xác định diện tích đất là di sản của cụ X, cụ N:

Kết quả thẩm định ngày 18/8/2020, diện tích đất hiện trạng của cụ X, cụ N để lại là 274m^2, nhưng trong GCNQSDĐ do UBND huyện NS cấp cho bà MTL ghi 264 m^2,việc UBND huyện NS cấp GCNQSDĐ cho bà MTL không đúng đối tượng, không đúng diện tích hiện trạng và sai cả về số thửa, do đó Bản án sơ thẩm đã tuyên GCNQSDĐ cấp cho bà MTL không còn hiệu lực là đúng, tuy nhiên trong phần nhận

định nêu việc cấp GCNQSDĐ đảm bảo trình tự thủ tục là mâu thuẫn nên cần rút kinh MTN .

Tại cấp phúc thẩm, UBND xã NT có Văn bản số 03 ngày 13/01/2020 báo cáo bổ sung xác định nguồn gốc đất tại thửa 927, tờ bản đồ 29, Bản đồ địa chính có nguồn gốc sử dụng trước năm 1980, quá trình sử dụng ổn định không tranh chấp phù hợp với Biên bản xác minh ngày 13/01/2021 của TAND huyện NS, các hàng xóm giáp gianh của bà MTL gồm: Ông Mai Công Trứ, ông Mai Xuân Lưỡng xác nhận quá trình sử dụng đất giữa các hộ không có tranh chấp, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia diện tích đất 264m^2 ghi trong GCNQSDĐ cấp cho bà MTL và giao cho bà MTL quản lý 10m^2 là không phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và các đồng thừa kế, do đó nội MTD kháng cáo bổ sung của ông MĐQ, bà MTĐ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng đồng ý xem xét theo pháp luật, do đó cần sửa bản án sơ thẩm xác định lại diện tích đất là di sản của cụ Cao, cụ Ngậu để giải quyết triệt để mà không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm kéo dài thời gian giải quyết.

[2.3] Như vậy, xác định di sản của cụ X, cụ N để lại cho các con là: 274m^2 đất x 2.500.000đ/m^2 = 685.000.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã trích công bảo quản duy trì di sản cho vợ chồng ông MĐY, bà MTL bằng 64m^2 đất, trị giá 160.000.000đ là phù hợp với thời gian vợ chồng ông MĐY, bà MTL sinh sống, duy trì bảo quản di sản từ năm 1973 nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét lại, diện tích còn lại 210m^2 chia đều 05 người con của cụ Cao, cụ Ngậu, mỗi kỷ phần được 42m^2, trị giá 105.000.000đ.

Do ông MĐQ, ông MĐC, bà MTN tự nguyện giao kỷ phần của mình cho bà MTĐ, do đó bà MTĐ sẽ được quản lý, sử dụng 04 kỷ phần bằng 168m^2, trị giá 420.000.000đ. Căn cứ sơ đồ hiện trạng nhà, đất bà MTL đang quản lý, sử dụng hiện nay, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà MTĐ diện tích đất 133,25m^2, giao bà MTL 130,75m^2, như vậy bà MTĐ hiện còn thiếu 34,75m^2.

Tại cấp phúc thẩm, ông MĐQ, bà MTĐ và chị MTN đại diện cho bà MTL đều đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia lại di sản cho các bên bằng đất để bà MTL không phải chênh lệch lại bằng tiền, bà MTL có đơn đề nghị khi chia lại đất cho phía bà MTĐ, nếu ăn vào phần nhà cấp bốn của bà hiện nay thì phía bà MTĐ tự phá dỡ nhà để lấy đất, bà MTL không yêu cầu bồi thường tài sản trên đất mà chỉ yêu cầu phía bà MTĐ xây lại bức tường nhà cho kín.

Nhận thấy đề nghị của các bên hoàn toàn tự nguyện và phù hợp, không trái đạo đức và pháp luật, do đó cần sửa lại bản án sơ thẩm, sau khi trích công sức cho bà MTL xong sẽ chia đều cho các kỷ phần bằng đất theo nguyện vọng của các bên.

[3] Về nội dung ông MĐQ, bà MTĐ kháng cáo yêu cầu để lại 100m^2 đất làm nhà thờ bố mẹ, số còn lại mới đem chia thừa kế, thấy rằng: Nội MTD này không

được bà MTL và các con của bà đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, do đó Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ chấp nhận.

Trên cơ sở diện tích được chia 168m^2, ông MĐQ, bà MTĐ và những người có quyền lợi liên quan đứng về phía ông MĐQ, bà MTĐ có quyền tự thỏa thuận để dành đất xây nhà thờ bố mẹ, do đó nội dung kháng cáo nêu trên của ông MĐQ và bà MTĐ không có cơ sở chấp nhận.

[4] Năm 2007, việc UBND huyện NS cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc di sản của cụ Cao, cụ Ngậu cho bà MTL mà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh các đồng thừa kế đồng ý là không đủ căn cứ và không đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định của luật đất đai 2003 và Bộ luật dân sự 2005. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên GCNQSDĐ do UBND huyện NS đã cấp cho bà MTL không còn hiệu lực là phù hợp. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự (bà MTL, bà MTĐ) có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp lại GCNQSDĐ đối với diện tích đất được giao theo Bản án (theo Điều 100 Luật đất đai 2013). Nội dung này bà MTL không kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Ngoài những nội dung trên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận: Ông MĐY có 02 người con riêng là anh Mai Đình Anh, sinh ngày 23/1/1991 và Mai Đình Liên sinh ngày 23/11/1994chưa được tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm đã Quyết định tạm ngừng phiên tòa yêu cầu đương sự cung cấp thông tin, địa chỉ các con riêng của ông MĐY để có cơ sở giải quyết vụ án.

Tại Đơn trình bày ngày 12/01/2021của anh Mai Đình Liên và Đơn trình bày ngày 17/01/2021 của Mai Đình Anh đều từ chối tham gia tố tụng và không yêu cầu quyền lợi gì trong vụ án này. Do đó việc hủy bản án sơ thẩm để bổ sung người tham gia tố tụng là không cần thiết.

[6]Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, về án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đều là người cao tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã miễn toàn bộ án phí giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 623; 649; 650; 651 và 652 Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông MĐQ và bà MTĐ, sửa bản án sơ thẩm số 17/2020/DSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện NS.

1. Công nhận di sản của cụ MĐC và cụ MTN để lại cho các con là quyền sử dụng đất 274m^2 tại thửa số 234, tờ bản đồ 08, Bản đồ 299 xã NT, nay là thửa số 927, tờ bản đồ 29, Bản đồ địa chính xã NT, trị giá đất 685.000.000đ.

2. Trích công duy trì, bảo quản di sản cho vợ chồng ông MĐY, bà MTL 64m^2 đất, trị giá 160.000.000đ. Di sản còn lại 210m^2 đất chia 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần 42m^2, trị giá 105.000.000đ.

3. Phân chia di sản cụ thể (Có sơ đồ kèm theo):

3.1. Giao cho bà MTĐ được quyền sử dụng 04 kỷ phần gồm: Ông MĐQ, bà MTN, bà MTĐ, ông MĐC với diện tích đất 168m^2, trị giá 205.000.000đ gianh giới: Phía Tây giáp đất ông Lưỡng 12,25m; phía Nam giáp ngõ đi chung 13,15m; phía Đông giáp đường liên xã 13,05m; phía Bắc giáp đất bà MTL 13,5m.

3.2.Giao bà MTL được quyền sử dụng diện tích đất còn lại 106m^2, trị giá 265.000.000đ, gianh giới: Phía Tây giáp đất ông Lưỡng 7,35m; phía Nam giáp đất bà MTĐ 13,5m; phía Đông giáp đường liên xã 7,85m; phía Bắc giáp đất ông Trứ 13,9m. Trên đất có căn nhà cấp bốn lợp mái ngói do gia đình bà MTL xây dựng đã khấu hao hết giá trị sử dụng.

3.3.Trường hợp phần đất chia cho bà MTĐ nếu bị ảnh hưởng vào một phần căn nhà cấp bốn hiện nay của bà MTL thì phía bà MTĐ có trách nhiệm tự phá dỡ nhà của bà MTL để lấy đất và phải xây lại bức tường cho kín căn nhà cho bà MTL.

3.4. Bà MTĐ có trách nhiệm thông báo thời gian phá dỡ cho bà MTL ít nhất 07 ngày trước khi phá dỡ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện NS cấp cho MTL số AK 304282, ngày 24/9/2007 không còn giá trị sử dụng.

Bà MTĐ và bà Mai Thị bà MTL có quyền liên hệ với Cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mỗi bên theo quy định của Luật đất đai.

5.Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án: Miễn án phí phúc thẩm dân sự cho ông MĐQ, bà MTĐ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
-Phòng TCTTr&TĐKT TAND tỉnh T. Hóa;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện NS;
-UBND huyện NS;
- TAND huyện NS;
- Chi cục THADS huyện NS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Chinh